

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HS-PT

Ngày: 24/11/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Mai

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tâm

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quốc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2023/TLPT-HS, ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo **Đoàn Văn P**, **Đoàn Xuân Q**, **Phạm Văn Đ**; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2023/HS-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

*Các bị cáo kháng cáo:*

1. **Đoàn Văn P**, sinh năm 1965, tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn Tấn V** (đã chết) và bà **Hồ Thị B**; có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: không có; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/10/2022 đến ngày 18/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. **Đoàn Xuân Q (tên gọi khác: G)**, sinh năm 1992; tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt

Nam; con ông **Đoàn Văn P** và bà **Hồ Thị Huyền T**; có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1966; tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn R** (đã chết) và bà **Phạm Thị L** (đã chết); có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Phạm Văn Đ**: Ông **Nguyễn Văn T1**, Luật sư của Văn phòng luật sư **Nguyễn Thanh H** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh T**; có mặt.

Bị hại: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: **ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; không triệu tập.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 24/9/2021, **Phạm Văn C1** bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 18 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc. Do biết **Đoàn Văn P** có mối quan hệ xã hội rộng nên bà **Trần Thị C** là mẹ ruột của **C1** có ý định nhờ **P** giúp chạy án ở cấp phúc thẩm để cho **C1** được hưởng án treo.

Sáng ngày 14/10/2021, bà **C** đến nhà của **P** thuộc **ấp C, xã T, huyện G**, gặp **P** và **Đoàn Xuân Q** là con ruột của **P**. Tại đây, bà **C** kể lại việc **C1** là con của bà bị xử phạt tù về tội tổ chức đánh bạc, rồi bà nhờ tìm người giúp chạy án treo. Nghe vậy, **P** và **Q** nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà **C** nên hứa giúp tìm người chạy án. Quan kêu bà **C** đưa Bản án sơ thẩm của **C1** để **Q** và **P** tìm người giúp chạy án. Sau đó, **P** liên lạc với **Phạm Văn Đ** kể lại việc bà **C** nhờ tìm người giúp chạy án treo, rồi bàn bạc với **Đ** tìm người giúp chạy án thì **Đ** đồng ý nên **Q** đưa bản án sơ thẩm cho **Đ** giữ. Sau đó, **P** và **Q** nhiều lần kêu bà **C** đưa tiền để chạy án thì bà **C** nhiều lần đưa cho **P** và **Q** với tổng số tiền 345.890.000 đồng; trong đó **Q** nhận 23.540.000 đồng, **P** nhận 322.350.000 đồng, rồi **P** đưa cho **Đ** 50.000.000 đồng; cụ thể:

- Chiều ngày 14/10/2021, bà **C** 02 lần đưa cho **Q** tổng cộng 20.000.000 đồng tại **quán C2** thuộc **ấp P, xã P, huyện G** và tại **Trường trung học cơ sở P1** thuộc **xã P, huyện G**.

- Ngày 15/10/2021, bà **C** đưa cho **P** 21.000.000 đồng tại nhà của **P**.

- Ngày 19/10/2021, bà C đưa cho P 10.350.000 đồng và đưa cho Q 540.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 24/10/2021, bà C đưa cho Q 3.000.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 07/11/2021, bà C đưa cho P 30.000.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 11/11/2021, bà C đưa cho P 61.000.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 15/11/2021, P đưa cho D 50.000.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 25/11/2021, bà C đưa cho P 100.000.000 đồng tại nhà của P.

- Ngày 10/12/2021, bà C đưa cho P 100.000.000 đồng tại nhà của P thì P viết giấy với nội dung có nhận của bà C 200 triệu đồng để chuyển cho Dờ xin giảm án cho C1, rồi ký tên.

Ngoài ra, ngày 08/11/2021, bà C còn đưa cho P 20.200.000 đồng tại nhà của P để nộp án phí và tiền phạt bổ sung cho C1 theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu nên P đưa cho D đem đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nộp, viết tên mình vào biên lai thu tiền, sau đó đem biên lai về đưa cho P để đưa lại cho bà C.

Đến sáng ngày 16/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phúc thẩm tuyên phạt C1 01 năm tù. Trưa cùng ngày, bà C tìm P đòi tiền thì P hứa hẹn sẽ đòi tiền đã đưa cho D để trả cho bà C. Ngày 20/12/2021, P lấy 100.000.000 đồng trả cho bà C. Đến khoảng 09 giờ ngày 21/12/2021, ông Lê Anh T2 và ông Nguyễn Văn T3 đến nhà của P thì thấy D mang 50.000.000 đồng đến đưa và kêu P đem trả cho bà C, rồi D bỏ đi. Sau đó, P gọi điện thoại kêu bà C đến ngay và trả 50.000.000 đồng; còn lại 196.000.000 đồng P và Q không trả cho bà C nên ngày 17/8/2022 bà C đến Công an huyện G gửi đơn tố cáo yêu cầu xử lý.

Kết luận giám định số 1304 ngày 28/10/2022 và số 1447 ngày 21/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Đoàn Văn P trên tài liệu cần giám định (Biên nhận ngày 10/12/2021) với chữ viết, chữ ký của Đoàn Văn P trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M01 đến M04) là do cùng một người viết và ký. Chữ viết “Phạm Văn D” trên tài liệu cần giám định (Biên lai thu tiền) với chữ viết đứng tên Phạm Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M01 đến M06) là do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo P, Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D thừa nhận chỉ nhận và trả cho P số tiền 50.000.000 đồng ngoài ra không biết việc P nhận của bà C số tiền bao nhiêu.

Bị hại bà **C** trình bày đã nhận lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2023/HS-ST, ngày 09-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Văn P** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam ngày 28/10/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Xuân Q** (Gấu) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18-8-2023, bị cáo **P**, bị cáo **Q** kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18-8-2023, bị cáo **Đ** kháng cáo cho rằng bị cáo đã trả lại tiền cho bị cáo **P** sau 01 ngày nhận tiền và trước thời điểm xét xử phúc thẩm vụ án của **C1** nên bị cáo thuộc trường hợp “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xin được miễn trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Trong phần tranh luận:*

Luật sư bào chữa cho bị cáo **Đ** trình bày: Bị cáo **Đ** có nhận của bị cáo **P** số tiền 50.000.000 đồng sau khi nộp án phí và tiền phạt bổ sung cho **C1** khoảng 1 tuần (tức khoảng ngày 16-17/11/2021), ngày hôm sau đã trả lại tiền cho bị cáo **P**; bị cáo **P** khi thì khai bị cáo **Đ** trả lại 50.000.000 đồng khoảng 02 tuần sau khi xét xử **C1** (khoảng ngày 30/12/2021), lúc thì khai trả khoảng 4-5 ngày sau khi xét xử **C1** (sau khi đáo hạn ngân hàng 01 ngày, tức là ngày 21-22/12/2021); người làm chứng ông **Lê Anh T2**, ông **Nguyễn Văn T3** và bị hại **Trần Thị C** khai

không thống nhất về thời gian gặp bị hại và bị cáo **Đ** tại nhà bị cáo **P**. Do đó, lời khai của người làm chứng không khách quan. Quá trình điều tra không làm rõ được thời gian bị cáo **Đ** trả lại 50.000.000 đồng cho bị cáo **P** sau ngày xét xử **C1**. Trường hợp này phải xác định bị cáo **Đ** đã “Tự ý nửa chừng chấp dứt việc phạm tội” theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Đ** có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhiều thành tích trong công tác là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 16 của Bộ luật Hình sự tuyên bố miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo **Phạm Văn Đ**.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **P**; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Q**, cho bị cáo **Q** được hưởng án treo vì vai trò của bị cáo không đáng kể, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn Đ**. Sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 09-8-2023 và các bị cáo đã làm đơn kháng cáo ngày 18-8-2023, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ ngày 24/9/2021 đến ngày 16/12/2021, **Đoàn Văn P**, **Đoàn Xuân Q** và **Phạm Văn Đ** cùng nhau dùng thủ đoạn gian dối hứa có khả năng chạy án treo cho **Phạm Văn C1** là con của bà **Trần Thị C** nhằm chiếm đoạt số tiền 345.890.000 đồng của bà **C**. Các bị cáo **P** và **Q** trực tiếp nhận tiền từ bà **C**, sau đó, **P** giao lại cho **Đ** số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo **P**, **Q** và **Đ** đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo **P** và **Q** chiếm đoạt số tiền 295.890.000 đồng nên tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; còn bị cáo **Phạm Văn Đ** chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nên tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Đ** theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo **Đ** và Luật sư bào chữa cho bị cáo **Đ** cho rằng bị cáo **Đ** đã trả lại tiền cho bị cáo **P** trước khi tòa án xét xử phúc thẩm vụ án của **C1** nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo **P** khẳng định bị cáo **Đ** trả lại tiền sau khi xét xử phúc thẩm vụ án của **C1** và khi bị cáo **P** đòi thì bị cáo **Đ** mới trả lại. Luật sư bào chữa cho bị cáo **Đ** cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được ngày bị cáo **Đ** trả lại tiền cho bị cáo **P** là ngày nào, trước hay sau khi xét xử vụ án của **C1**, nếu trả lại tiền trước khi xét xử vụ án của **C1** thì thuộc trường hợp “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội”. Xét thấy, các bị cáo **P**, **Q**, **Đ** đều biết rõ mình không có khả năng chạy án treo cho **C1** nhưng bằng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin rằng các bị cáo thực hiện được nên giao tiền nhiều lần cho các bị cáo, trong đó, bị cáo **Đ** với vai trò giúp sức, trực tiếp đi đóng tiền án phí, tiền phạt bổ sung thay cho **C1**, sau đó nhận 50.000.000 đồng từ **P** là tội phạm đã hoàn thành. Mặt khác, tuy lời khai của bị hại và người làm chứng không thống nhất về thời gian gặp bị cáo **Đ** tại nhà bị cáo **P** nhưng tất cả đều khai thống nhất về việc số tiền 50.000.000 đồng bị cáo **Đ** trả cho bị cáo **P** và bị cáo **P** trả cho bị hại được đựng trong bọc nilon màu đen. Bị hại xác định nhận số tiền này vào ngày 17-12-2021 (tức 01 ngày sau khi xét xử vụ án của **C1**) và có gặp 02 người đàn ông. Qua nhận dạng, người làm chứng **Lê Tuấn A**, **Nguyễn Văn T3** xác định đúng bị hại là người đã gặp tại nhà bị cáo **P**.

[5] Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo **Đ** trình bày sau khi trả lại tiền cho bị cáo **P** thì không còn liên lạc gì với bị cáo **P**. Tuy nhiên, tại bản Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao 097.783.052 của bị cáo **Đoàn Văn P** thể hiện trước và ngay sau khi kết thúc phiên tòa xét xử vụ án của **C1** ngày 16-12-2021, bị cáo **P** và bị cáo **Đ** thường xuyên liên lạc với nhau, điều đó chứng tỏ lời khai của bị cáo **P** là có căn cứ.

Do đó, bị cáo **Đ** và người bào chữa cho bị cáo **Đ** cho rằng hành vi của bị cáo **Đ** thuộc trường hợp “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

[6] Đối với bị cáo **Đoàn Văn P** và bị cáo **Đoàn Văn Q1**: Bị cáo **P** với vai trò chủ mưu, là người trực tiếp hứa chạy án, trực tiếp nhận tiền và rủ rê các bị cáo

khác. Bị cáo **Q1** đã trực tiếp nhận một phần tiền, giúp sức cho bị cáo **P** tạo niềm tin cho bị hại tiếp tục giao tiền nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo; cha mẹ ruột bị cáo có công với Nhà nước là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51.

[7] Cấp sơ thẩm đã xem xét về vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo **P**, bị cáo **Đ** để quyết định mức hình phạt như trên là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **P**, bị cáo **Đ**. Riêng bị cáo **Q1**, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là đồng phạm cũng là con ruột của bị cáo **P**, số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã trả lại cho bị hại xong. Do đó, có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **P**, bị cáo **Đ** là có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận đề nghị cho bị cáo **Q1** được hưởng án treo.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của các bị cáo **P**, bị cáo **Đ** không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo **Q1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

**1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn P và bị cáo Phạm Văn Đ; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đoàn Xuân Q.**

Sửa một phần Bản án Hình sự sơ thẩm số 83/2023/HS-ST, ngày 09-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Văn P** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam ngày 28/10/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Xuân Q** (Gấu) 02 (hai) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo **Đoàn Văn P** và **Phạm Văn Đ** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện GD;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện GD;
- CCTHADS huyện DG;
- VKSND huyện GD;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Mai**